PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2012/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2012*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Theo đề nghị của Tổng thanh tra Chính phủ,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết các điều sau đây của Luật Khiếu nại:

1. Khoản 2 Điều 3 về khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước;

2. Khoản 4 Điều 8 về nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung;

3. Điều 23, Điều 24, Điều 26 về xem xét lại việc giải quyết khiếu nại có vi phạm pháp luật;

4. Khoản 3 Điều 41 về công khai quyết định giải quyết khiếu nại;

5. Khoản 4 Điều 46 về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; Khoản 2 Điều 58 về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật;

6. Chương V về tiếp công dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam trong việc khiếu nại quyết định hành

chính, hành vi hành chính, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Chương II
KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 3. Khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước

1. Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước là việc công dân, cơ quan, tổ chức, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi chung là người khiếu nại) theo thủ tục được quy định tại Luật Khiếu nại và Nghị định này đề nghị đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người có thẩm quyền trong đơn vị, doanh nghiệp đó xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của công chức, viên chức, người lao động do mình quản lý trực tiếp.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đã giải quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này mà còn khiếu nại; đối với đơn vị sự nghiệp công lập không có đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên trực tiếp thì người đứng đầu cơ quan nhà nước quản lý đơn vị sự nghiệp công lập đó có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

Khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của đơn vị sự nghiệp công lập do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhà nước cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhà nước cấp dưới đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

Đối với doanh nghiệp nhà nước do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập thì Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

Đối với doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp đó có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

5. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại, thời hiệu khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại và Nghị định này.

Điều 4. Khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật của công chức, viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập, người lao động trong doanh nghiệp nhà nước

1. Việc khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; thời hiệu khiếu nại; thời hạn giải quyết khiếu nại; thẩm quyền giải quyết khiếu nại; trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, người lao động trong doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định về khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức tại Chương IV của Luật Khiếu nại và Nghị định này.

2. Khiếu nại quyết định kỷ luật đối với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm thì Bộ trưởng Bộ Nội vụ là người có thẩm quyền giải quyết.

Chương III
NHIỀU NGƯỜI CÙNG KHIẾU NẠI VỀ MỘT NỘI DUNG

Mục 1
CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN TRÌNH BÀY KHIẾU NẠI

Điều 5. Số lượng người đại diện

1. Khi nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì phải cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại. Người đại diện phải là người khiếu nại.

2. Việc cử đại diện được thực hiện như sau:

a) Trường hợp có từ 5 đến 10 người khiếu nại thì cử 1 hoặc 2 người đại diện;

b) Trường hợp có từ 10 người khiếu nại trở lên thì có thể cử thêm người đại diện, nhưng không quá 5 người.

Điều 6. Văn bản cử người đại diện

1. Việc cử người đại diện để trình bày khiếu nại theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 4 Điều 8 của Luật Khiếu nại và được thể hiện bằng văn bản.

2. Văn bản cử người đại diện khiếu nại phải có những nội dung sau:

a) Ngày, tháng, năm;

b) Họ, tên, địa chỉ của người đại diện khiếu nại, người khiếu nại;

c) Nội dung, phạm vi được đại diện;

d) Chữ ký hoặc điểm chỉ của những người khiếu nại;

đ) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

3. Người đại diện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc đại diện và văn bản cử đại diện.

Mục 2
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC PHỐI HỢP XỬ LÝ TRƯỜNG HỢP NHIỀU NGƯỜI CÙNG KHIẾU NẠI VỀ MỘT NỘI DUNG

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung ở xã, phường, thị trấn

1. Khi phát sinh việc nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung ở xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm:

a) Phân công cán bộ tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại. Trường hợp khiếu nại phức tạp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan tiếp, nghe đại diện của những người khiếu nại trình bày nội dung khiếu nại;

b) Chỉ đạo công an cấp xã giữ gìn trật tự công cộng nơi có người khiếu nại tập trung;

c) Thuyết phục, hướng dẫn người khiếu nại thực hiện việc khiếu nại đúng quy định của pháp luật.

2. Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với lực lượng bảo vệ, dân phòng giữ gìn trật tự công cộng nơi có người khiếu nại tập trung; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật Khiếu nại thuộc thẩm quyền; nếu khiếu nại không thuộc thẩm quyền, hướng dẫn công dân đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

1. Thủ trưởng cơ quan nơi có người khiếu nại tập trung có trách nhiệm cử cán bộ hoặc trực tiếp tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại. Trường hợp vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền, Thủ trưởng cơ quan thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền, hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Người phụ trách công tác tiếp công dân cấp huyện nơi có người khiếu nại tập trung có trách nhiệm:

a) Chủ trì hoặc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) tiếp đại diện của những người khiếu nại;

b) Khi cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc khiếu nại và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại hoặc cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại;

c) Theo dõi, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giải quyết khiếu nại do mình chuyển đến.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm gặp gỡ đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại; thực hiện việc giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

4. Trưởng công an cấp huyện có trách nhiệm đảm bảo an ninh, trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại; tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thủ trưởng cơ quan nơi có người khiếu nại tập trung có trách nhiệm cử cán bộ hoặc trực tiếp tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại. Trường hợp vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền, Thủ trưởng cơ quan thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền, hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Người phụ trách Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì hoặc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tiếp đại diện của những người khiếu nại;

b) Khi cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra vụ việc khiếu nại tham gia hoặc cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại;

c) Yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại; tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại;

d) Theo dõi, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc giải quyết khiếu nại do Trụ sở tiếp công dân chuyển đến.

3. Thủ trưởng cơ quan công an quản lý địa bàn, Giám đốc công an cấp tỉnh có trách nhiệm đảm bảo an ninh, trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm gặp gỡ đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại; thực hiện việc giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

5. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại; tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung đến các cơ quan Trung ương

1. Thủ trưởng cơ quan nơi có người khiếu nại tập trung có trách nhiệm cử cán bộ hoặc trực tiếp tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại. Trường hợp vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền, Thủ trưởng cơ quan thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền, hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Người phụ trách Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với đại diện các cơ quan Trung ương có liên quan và người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân địa phương nơi xảy ra vụ việc khiếu nại tiếp người khiếu nại;

b) Khi cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vụ việc khiếu nại trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại;

c) Yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại; tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại;

d) Theo dõi, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc giải quyết khiếu nại do Trụ sở tiếp công dân chuyển đến;

đ) Phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vận động, thuyết phục để công dân trở về địa phương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vụ việc khiếu nại có trách nhiệm:

a) Trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm phối hợp với Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước và các cơ quan chức năng có liên quan của Trung ương tiếp đại diện của những người khiếu nại;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

c) Giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền hoặc chỉ đạo cơ quan thuộc quyền quản lý giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật;

d) Vận động, thuyết phục, có biện pháp để công dân trở về địa phương.

4. Công an cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh quản lý địa bàn nơi người khiếu nại tập trung có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc khiếu nại theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại; tham gia tiếp công dân, giải quyết khiếu nại có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình quản lý khi được yêu cầu.

Điều 11. Trách nhiệm của Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan công an, cơ quan thanh tra các cấp và các cơ quan nhà nước khác trong việc xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an, Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và các Bộ, ngành có liên quan trong việc xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung khi được yêu cầu.

Chương IV
CÔNG KHAI QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI; THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

Điều 12. Công khai quyết định giải quyết khiếu nại

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi có quyết định giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai có trách nhiệm công khai quyết định giải quyết khiếu nại theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 41 của Luật Khiếu nại.

2. Trường hợp công bố tại cuộc họp thì thành phần tham dự cuộc họp phải bao gồm: Người ra quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại hoặc người đại diện, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trước khi tiến hành cuộc họp công khai, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải có văn bản thông báo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết. Thời gian thông báo phải trước 3 ngày làm việc.

3. Việc thông báo quyết định giải quyết khiếu nại trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện trên báo nói, báo hình, báo viết, báo điện tử. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm lựa chọn một trong các phương tiện thông tin đại chúng để thực hiện việc thông báo. Trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử, phải công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử.

Số lần thông báo trên báo nói ít nhất 02 lần phát sóng; trên báo hình ít nhất 02 lần phát sóng; trên báo viết ít nhất 02 số phát hành; thời gian đăng tải trên báo điện tử, trên cổng thông tin điện tử hoặc trên trang thông tin điện tử ít nhất là 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo.

4. Trường hợp niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại, thời gian niêm yết quyết định giải quyết khiếu nại ít nhất là 15 ngày, kể từ ngày niêm yết.

Điều 13. Trách nhiệm của người giải quyết khiếu nại trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

1. Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật do mình ban hành.

Căn cứ vào nội dung khiếu nại, chức năng quản lý nhà nước, người giải quyết khiếu nại giao cho cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhiệm vụ được thực hiện bằng văn bản.

2. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý.

Điều 14. Trách nhiệm của người bị khiếu nại trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

1. Ban hành văn bản để thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại khi quyết định giải quyết khiếu nại sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính.

2. Khi quyết định giải quyết khiếu nại kết luận quyết định hành chính là đúng pháp luật, yêu cầu người khiếu nại chấp hành quyết định đó. Trường hợp quyết định giải quyết khiếu nại kết luận quyết định hành chính là trái pháp luật, phải sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định hành chính, đồng thời khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

3. Khi quyết định giải quyết khiếu nại kết luận hành vi hành chính là đúng pháp luật, yêu cầu người khiếu nại chấp hành. Trường hợp quyết định giải quyết khiếu nại kết luận hành vi hành chính là trái pháp luật, phải chấm dứt hành vi đó.

4. Tổ chức việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan hữu quan tổ chức thực hiện biện pháp nhằm khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại và người có liên quan đã bị xâm phạm.

6. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết những vấn đề liên quan đến việc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại (nếu có).

Điều 15. Trách nhiệm của người khiếu nại trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

1. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật xâm phạm (nếu có).

2. Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại nếu quyết định hành chính, hành vi hành chính được người có thẩm quyền kết luận là đúng pháp luật.

3. Chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

1. Cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại; khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật xâm phạm.

2. Chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

Cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan được giao tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

Cơ quan được giao tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức được giao thực hiện việc thi hành; báo cáo với người có thẩm quyền xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chấp hành quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật khi được yêu cầu.

Điều 20. Xem xét lại việc giải quyết khiếu nại có vi phạm pháp luật

1. Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ việc khiếu nại, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu người có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc khiếu nại hoặc giao Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ kiểm tra, xem xét lại vụ việc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết.

2. Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ việc khiếu nại, Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc khiếu nại hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Kết quả kiểm tra, xem xét lại vụ việc khiếu nại được xử lý như sau:

a) Trường hợp Thủ tướng Chính phủ kết luận việc giải quyết khiếu nại là đúng pháp luật, người ra quyết định giải quyết khiếu nại tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại và thông báo công khai chấm dứt việc xem xét, giải quyết vụ việc khiếu nại.

b) Trường hợp Thủ tướng Chính phủ kết luận việc giải quyết khiếu nại sai một phần hoặc sai toàn bộ, người ra quyết định giải quyết khiếu nại giải quyết lại vụ việc, sửa sai, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại và thông báo công khai việc giải quyết lại vụ việc khiếu nại.

c) Người giải quyết khiếu nại, người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, kết luận của Thủ tướng Chính phủ; kiến nghị của Tổng thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về việc giải quyết khiếu nại.

Chương V
TIẾP CÔNG DÂN

Mục 1
TRỤ SỞ, ĐỊA ĐIỂM TIẾP CÔNG DÂN

Điều 21. Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước

1. Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước đặt tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ giúp Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước có con dấu và tài khoản riêng.

Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước có nhiệm vụ:

a) Tiếp công dân, hướng dẫn, giải thích, vận động, thuyết phục công dân thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

b) Tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

c) Phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

d) Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân nguyện của Ủy ban thường vụ Quốc hội bố trí cán bộ làm nhiệm vụ thường trực tiếp công dân tại Trụ sở.

Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước được tổ chức thành các phòng nghiệp vụ.

3. Người phụ trách Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước là cán bộ cấp vụ do Tổng thanh tra Chính phủ phân công.

4. Người phụ trách Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước có trách nhiệm:

a) Chủ trì việc phối hợp công tác giữa cán bộ các cơ quan tham gia tiếp công dân tại Trụ sở;

b) Yêu cầu cơ quan nhà nước có liên quan cử cán bộ có trách nhiệm đến Trụ sở tiếp công dân để phối hợp tiếp công dân, bàn biện pháp xử lý trong trường hợp có nhiều người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan chuẩn bị kế hoạch, chương trình, hồ sơ, tài liệu cho người có thẩm quyền của cơ quan Đảng và Nhà nước tiếp công dân;

d) Kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân do cán bộ tiếp công dân của Trụ sở chuyển đến;

đ) Tổng hợp tình hình, kết quả công tác tiếp công dân; báo cáo định kỳ, đột xuất với Tổng thanh tra Chính phủ để báo cáo Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ về công tác tiếp công dân của Trụ sở;

e) Quản lý tài sản tại Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước.

Điều 22. Việc tổ chức tiếp công dân ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức tiếp công dân tại Trụ sở của cơ quan. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thành lập Phòng Tiếp công dân thuộc Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để giúp Thủ trưởng cơ quan tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 23. Trụ sở tiếp công dân của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trụ sở tiếp công dân của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức tiếp công dân. Trụ sở tiếp công dân do Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, có con dấu và tài khoản riêng.

Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh có nhiệm vụ:

a) Tiếp công dân; hướng dẫn, giải thích, vận động, thuyết phục công dân thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

b) Tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

c) Phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

d) Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan có thẩm quyền.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy bố trí cán bộ làm nhiệm vụ thường trực tiếp công dân tại Trụ sở. Trụ sở tiếp công dân ở cấp tỉnh được tổ chức thành các phòng nghiệp vụ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cử một Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân phụ trách Trụ sở tiếp công dân.

3. Người phụ trách Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì việc phối hợp công tác giữa cán bộ các cơ quan tham gia tiếp công dân tại Trụ sở;

b) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử cán bộ có trách nhiệm đến Trụ sở tiếp công dân để phối hợp tham gia tiếp công dân, bàn biện pháp xử lý khi có nhiều người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan chuẩn bị kế hoạch, chương trình, hồ sơ, tài liệu cho người có thẩm quyền của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tiếp công dân;

d) Kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trả lời việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân do cán bộ tiếp công dân của Trụ sở chuyển đến;

đ) Phối hợp với Chánh Thanh tra cấp tỉnh tổng hợp tình hình, kết quả công tác tiếp công dân; báo cáo với Thanh tra Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác tiếp công dân của Trụ sở và trên địa bàn;

e) Quản lý tài sản tại Trụ sở tiếp công dân.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào đặc điểm, tình hình của địa phương tổ chức mô hình tiếp công dân cho phù hợp, bảo đảm hiệu quả công tác tiếp công dân.

Điều 24. Việc tổ chức tiếp công dân ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

1. Việc tiếp công dân ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) được thực hiện tại Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cán bộ chuyên trách tiếp công dân có nhiệm vụ giúp Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết của cơ quan có thẩm quyền.

Người phụ trách công tác tiếp công dân ở cấp huyện được sử dụng con dấu của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện trong hoạt động tiếp công dân.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng huyện ủy, Thanh tra huyện, Ủy ban Kiểm tra huyện ủy bố trí cán bộ làm nhiệm vụ thường trực tiếp công dân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cử một Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân phụ trách công tác tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của cấp huyện.

3. Người phụ trách công tác tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chủ trì việc phối hợp công tác giữa cán bộ các cơ quan tham gia tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân;

b) Yêu cầu cơ quan nhà nước có liên quan cử cán bộ có trách nhiệm đến địa điểm tiếp công dân để phối hợp tham gia tiếp, bàn biện pháp xử lý khi có nhiều người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan chuẩn bị kế hoạch, chương trình, hồ sơ, tài liệu cho người có thẩm quyền của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tiếp công dân;

d) Kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân do cán bộ tiếp công dân chuyển đến;

đ) Phối hợp với Chánh Thanh tra cấp huyện tổng hợp tình hình, kết quả công tác tiếp công dân; báo cáo Chánh Thanh tra cấp tỉnh và Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân về công tác tiếp công dân;

e) Quản lý tài sản tại địa điểm tiếp công dân của cấp huyện.

Điều 25. Việc tiếp công dân ở xã, phường, thị trấn

1. Việc tiếp công dân ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) được thực hiện tại Trụ sở Ủy ban nhân dân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp phụ trách công tác tiếp công dân; phân công cán bộ tư pháp hoặc cán bộ địa chính kiêm nhiệm công tác tiếp công dân.

2. Cán bộ tiếp công dân có trách nhiệm:

a) Tiếp công dân; hướng dẫn, giải thích, vận động, thuyết phục công dân thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

b) Tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

c) Phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Điều 26. Hướng dẫn về cơ cấu tổ chức của Trụ sở tiếp công dân

Tổng thanh tra Chính phủ thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về cơ cấu tổ chức của Trụ sở tiếp công dân, biên chế, cán bộ tiếp công dân.

Mục 2
XỬ LÝ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH KHI TIẾP CÔNG DÂN; TIÊU CHUẨN CỦA CÁN BỘ TIẾP CÔNG DÂN

Điều 27. Xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh khi tiếp công dân

1. Việc xử lý khiếu nại khi tiếp công dân thực hiện như sau:

a) Trường hợp công dân trực tiếp đến trình bày khiếu nại mà khiếu nại đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, cán bộ tiếp công dân hướng dẫn công dân viết thành đơn hoặc lập thành văn bản ghi lại nội dung khiếu nại công dân trình bày và yêu cầu người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ vào văn bản đó; vào sổ theo dõi khiếu nại; báo cáo Thủ trưởng cơ quan để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, hướng dẫn công dân khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

b) Trường hợp công dân đến gửi đơn khiếu nại, cán bộ tiếp công dân tiếp nhận và xử lý theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Việc xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh khi tiếp công dân thực hiện như sau:

a) Trường hợp công dân trực tiếp đến trình bày tố cáo, kiến nghị, phản ánh, cán bộ tiếp công dân ghi chép nội dung tố cáo, kiến nghị, phản ánh; vào sổ tiếp công dân; đối với tố cáo, đề nghị người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ vào biên bản ghi nội dung tố cáo; đối với kiến nghị, phản ánh, xét thấy cần thiết hoặc công dân yêu cầu thì đề nghị họ ký tên. Nếu tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, báo cáo Thủ trưởng cơ quan để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu tố cáo, kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, hướng dẫn công dân đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết;

b) Trường hợp công dân đến gửi đơn tố cáo, kiến nghị, phản ánh, cán bộ tiếp công dân tiếp nhận và xử lý theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

3. Khi tiếp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, cán bộ tiếp công dân có quyền:

a) Yêu cầu công dân xuất trình giấy tờ tùy thân, trình bày trung thực sự việc, cung cấp tài liệu liên quan; ghi vào sổ theo dõi;

b) Trường hợp nhiều người cùng đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh yêu cầu họ cử đại diện trình bày.

Điều 28. Tiêu chuẩn, chế độ bồi dưỡng của cán bộ tiếp công dân

1. Cán bộ tiếp công dân là công chức nhà nước, có phẩm chất, đạo đức tốt; có kiến thức và am hiểu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đối với cán bộ tiếp công dân từ cấp huyện trở lên thì phải tốt nghiệp đại học.

2. Cán bộ tiếp công dân được hưởng chế độ bồi dưỡng đặc thù theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tổng thanh tra Chính phủ.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ tiếp công dân.

Mục 3
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC TIẾP CÔNG DÂN

Điều 29. Trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định tại Điều 61 của Luật Khiếu nại.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thuộc quyền quản lý thực hiện việc tiếp công dân ở ngành, địa phương mình.

Hàng quý, trước ngày 20 tháng cuối của quý, tổng hợp tình hình, kết quả công tác tiếp công dân, báo cáo Thanh tra Chính phủ để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí địa điểm chung để Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội, tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

4. Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lãnh đạo, tổ chức công tác tiếp công dân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp tiếp công dân mỗi tháng ít nhất một ngày; khi cần thiết phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp công dân.

5. Các cơ quan Thanh tra nhà nước, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an, Y tế, Giáo dục và Đào tạo ở cấp Trung

ương và cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức tiếp công dân thường xuyên. Các cơ quan, tổ chức khác tổ chức tiếp công dân hàng tuần.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tiếp công dân

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết đúng thời hạn do pháp luật quy định các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân do Trụ sở tiếp công dân chuyển đến. Khi có kết quả giải quyết trả lời cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật và thông báo cho Trụ sở tiếp công dân.

2. Đối với khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được chuyển đến cơ quan, đơn vị, nếu quá thời hạn quy định không được giải quyết, người phụ trách Trụ sở, địa điểm tiếp công dân yêu cầu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó giải quyết, nếu yêu cầu không được thực hiện, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan công an trong việc tiếp công dân

1. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng công an phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc bảo đảm an ninh, trật tự nơi tiếp công dân; xử lý hành vi vi phạm pháp luật ở nơi tiếp công dân.

2. Thủ trưởng cơ quan công an các cấp có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an ninh, trật tự nơi tiếp công dân.

3. Cơ quan công an tại các địa phương có trách nhiệm bảo vệ an toàn Trụ sở tiếp công dân của các cơ quan nhà nước trên địa bàn; xử lý người lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có hành vi vi phạm pháp luật tại nơi tiếp công dân.

Điều 32. Trách nhiệm của các cơ quan thanh tra nhà nước trong việc tiếp công dân

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác tiếp công dân; hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương về công tác, tổ chức, nghiệp vụ tiếp công dân; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về công tác tiếp công dân; xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Chính phủ, Quốc hội về tiếp công dân.

2. Chánh Thanh tra các cấp, các ngành có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý công tác tiếp công dân của Bộ, ngành, địa phương; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tiếp công dân với Thủ trưởng Bộ, ngành hoặc cấp ủy Đảng, Thường trực Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 33. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc tiếp công dân

1. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm phối hợp, cử cán bộ tham gia tiếp công dân, cung cấp thông tin để Trụ sở, địa điểm tiếp công dân làm tốt công tác tiếp công dân.

2. Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để làm tốt công tác tiếp công dân.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2012 và thay thế các quy định về khiếu nại, giải quyết khiếu nại và tiếp công dân trong Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng